

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn N; Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/5/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 12 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chính vì vậy mà cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay, chị xác định tình cảm không còn, không thể không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 01/01/2008 và Bùi Nhật M, sinh ngày 24/10/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trà M và giao cháu Nhật M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Bùi Văn N để nộp bản tự khai nhưng anh N không có mặt nên không có lời khai của anh N trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Văn N; Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 01/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật M, sinh ngày 24/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh N không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Nhất đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh N đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh N.

[5]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/5/2005 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận được 12 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Việc này, đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại

địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Văn N.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Xét thấy, cháu Trà M là con gái, cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Nhật M là con trai, cháu có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 01/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật M, sinh ngày 24/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Trà M, sinh ngày 01/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật M, sinh ngày 24/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007642, ngày 20/5/2022. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Bùi Văn N và chị Lê Thị H. Chị H và anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc